

# **Diễn biến thị trường vật liệu, nhân công, máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2023**

## **I. Tổng quan về kinh tế xã hội và ngành xây dựng năm 2023**

Trong khó khăn chung của thế giới và khu vực trong năm 2023, các động lực tăng trưởng, sản xuất công nghiệp của Việt Nam... có xu hướng chậm lại khi các thị trường xuất khẩu, nhập khẩu lớn của nước ta bị thu hẹp, nhiều chuỗi cung ứng bị đứt gãy. Tình hình thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, hậu quả đại dịch COVID-19 kéo dài; xung đột Nga - Ukraine, cạnh tranh nước lớn ngày càng gay gắt, sâu sắc; lạm phát cao kỷ lục tại một số nền kinh tế lớn, chính sách tiền tệ của các nước lớn tiếp tục thắt chặt, tăng trưởng kinh tế thấp, tổng cầu yếu, hàng rào bảo hộ gia tăng; nợ công, thị trường tài chính, tiền tệ, ngân hàng, bất động sản... tại một số nước tiềm ẩn nhiều rủi ro

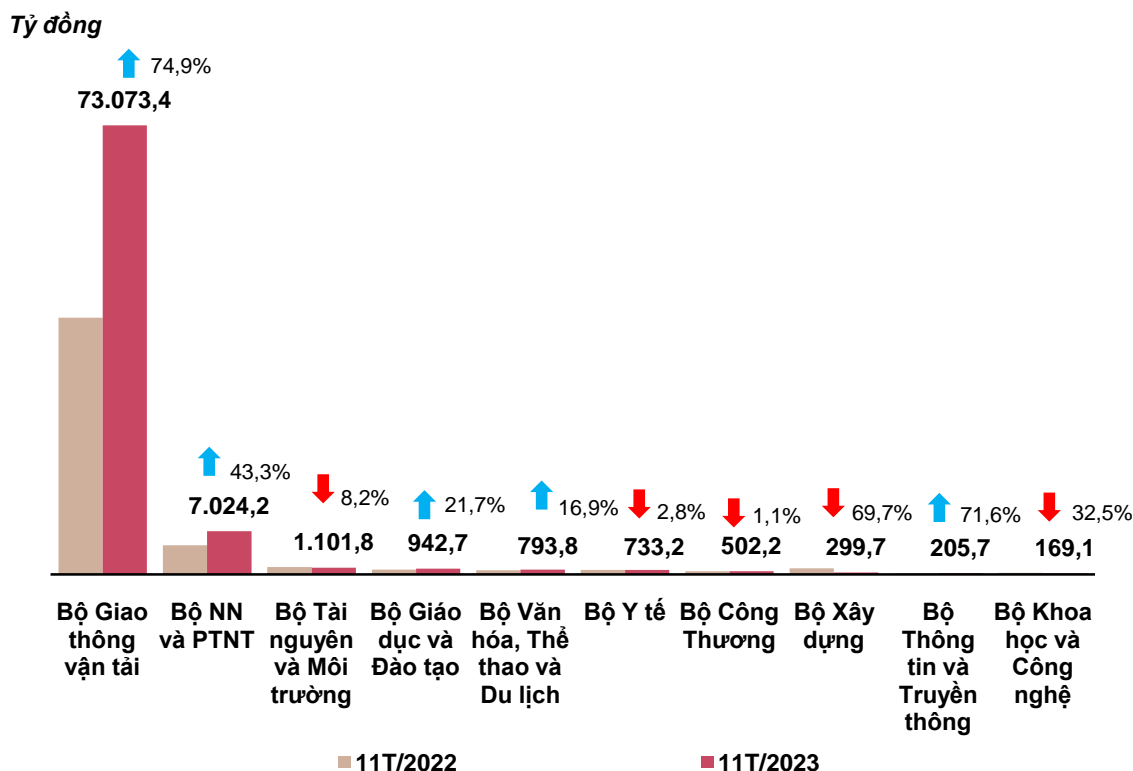
Ở trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng dầu, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; nhiều vấn đề tồn đọng kéo dài cần được giải quyết; trong khi đó, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều thiệt hại cho sản xuất kinh doanh và đời sống của nhân dân.

Kinh tế vĩ mô cơ bản ổn định, lạm phát được kiểm soát, tăng trưởng kinh tế phục hồi tích cực, các cân đối lớn của nền kinh tế được bảo đảm trong điều kiện gặp nhiều khó khăn. Bình quân 10 tháng năm 2023, lạm phát cơ bản tăng 4,38% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn mức tăng CPI bình quân chung (tăng 3,2%), điều này phản ánh biến động giá tiêu dùng chủ yếu do giá lương thực và giá xăng dầu.

Tính chung 9 tháng đầu năm, GDP tăng 4,24%. Đây cũng là mức thấp, chỉ cao hơn năm 2020-2021, đáy của giai đoạn 13 năm khi xảy ra đại dịch. Năm 2023, Chính phủ đặt mục tiêu GDP tăng trưởng 6,5%. Cùng kỳ năm ngoái, kinh tế 9 tháng tăng 8,85%. Sự phục hồi kinh tế diễn ra khá đồng đều giữa các địa phương, trong đó nhiều địa phương đạt tốc độ tăng trưởng cao.

Vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước tháng 11/2023 được các Bộ, ngành và địa phương nỗ lực tập trung triển khai, thực hiện các dự án, nhằm đạt khối lượng tối đa hỗ trợ tích cực cho tăng trưởng kinh tế cả năm. Tính chung 11 tháng năm 2023, vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước ước đạt 549,1 nghìn tỷ đồng, bằng 75% kế hoạch năm và tăng 22,1% so với cùng kỳ năm trước (cùng kỳ năm 2022 bằng 74,9% và tăng 20,9%). Tổng vốn đầu tư nước ngoài đăng ký vào Việt Nam tính đến ngày 20/11/2023 bao gồm: Vốn đăng ký cấp mới, vốn đăng ký điều chỉnh và giá trị góp vốn, mua cổ phần của nhà đầu tư nước ngoài đạt gần 28,85 tỷ USD, tăng 14,8% so

với cùng kỳ năm trước<sup>[1]</sup>. Đây là động lực quan trọng đóng góp cho tăng trưởng 11 tháng đầu năm và cả năm 2023.



**Biểu đồ 1: Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước 11 tháng năm 2023 phân theo Bộ, ngành**

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước trong 11 tháng năm 2023 chiếm tỷ trọng lớn nhất là nguồn vốn cho Bộ Giao thông vận tải (chiếm 73,5%), chủ yếu nguồn vốn là triển khai đầu tư xây dựng các công trình giao thông trong cả nước.

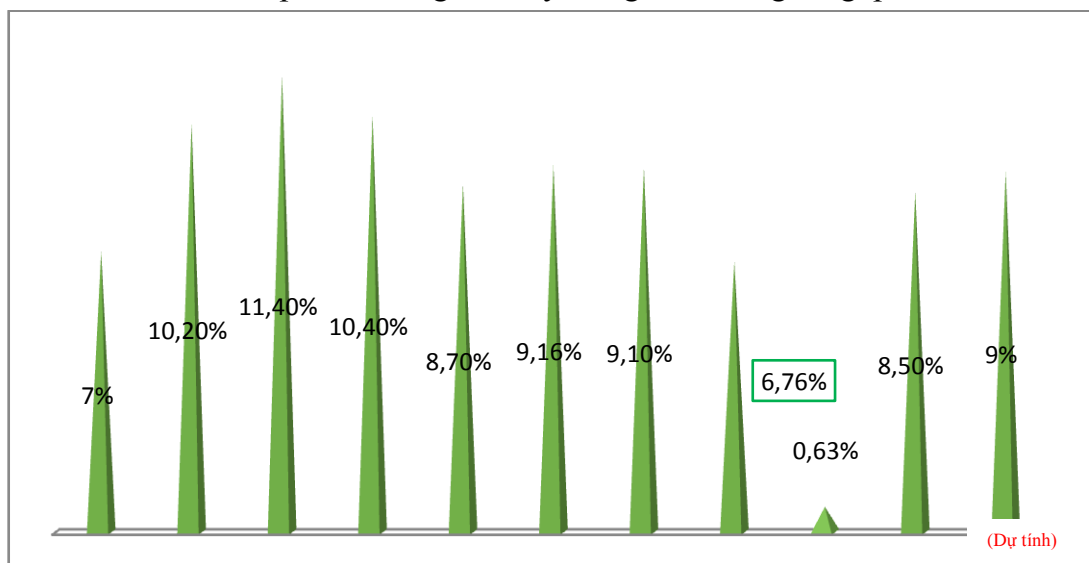
Theo các chuyên gia đánh giá, trong một thập kỷ trở lại đây, năm 2023 là năm ngành xây dựng gặp khó khăn nhất do nhiều yếu tố, từ kinh tế chung trên toàn thế giới ảnh hưởng tới Việt Nam tới sự khó khăn kéo dài của thị trường bất động sản khi là lĩnh vực gắn bó mật thiết nhất nên cũng chịu tác động mạnh nhất.

Trong 6 tháng đầu năm 2023, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng tăng 4,74% so với cùng kỳ năm 2022, cao hơn so với tốc độ tăng trưởng GDP của cả nước. Trong 9 tháng đầu năm 2023, tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng ước tăng 6,17% so với cùng kỳ năm trước.

Ngành xây dựng được xem là ngành hỗ trợ cho sự phát triển của nền kinh tế, hàng năm luôn đóng góp bình quân trên 5%-7% GDP. Theo đó, sự phát triển của ngành xây dựng gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế và các chính sách vĩ mô của Nhà Nước.

<sup>1</sup> - Nguồn Tổng cục Thống kê (tháng 11/2023)

Tốc độ tăng trưởng của toàn ngành trong năm 2022 đạt 8,5%, thì năm 2023 dự tính tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng đạt mức tương đương từ 8,5÷9%, con số này đánh dấu bước hồi phục của ngành xây dựng sau thời gian gặp nhiều khó khăn.



**Biểu đồ 2: Tốc độ tăng trưởng của ngành xây dựng giai đoạn 2013-2023**

Sau giai đoạn tăng trưởng cao ở mức xấp xỉ 10%, trong giai đoạn trước năm 2020, ngành xây dựng vận đang trong giai đoạn hạ nhiệt mạnh mẽ khi tăng trưởng doanh thu của toàn ngành không còn giữ được ở mức cao như những năm trước. Điểm nhấn đặc biệt là tỷ lệ đóng góp của ngành xây dựng vào GDP cả nước năm 2023 ở mức khá cao so với các ngành khác nhờ sự hồi phục đáng ghi nhận của ngành trong năm 2023.

## II. Diễn biến thị trường vật liệu xây dựng cơ bản năm 2023

Năm 2023, thị trường vật liệu xây dựng bắt đầu ổn định sau nhiều biến động do ảnh hưởng đại dịch Covid-19 tại 02 năm trước đó. Diễn biến của một số loại vật liệu chủ yếu trên thị trường trong năm 2023 như sau:

### 2.1. Đánh giá tổng quát thị trường vật liệu xây dựng

Nhìn chung, năm 2023, giá các vật liệu xây dựng biến động tương đối so với năm 2022. Tuy nhiên, mức biến động tăng không mạnh như năm 2021 và 2022 trước đó.

**Bảng 1: Mức độ biến động xây dựng chủ yếu năm 2023 so với năm 2022**

Đơn vị: %

Loại VL	Khu vực	Xi măng	Thép	Cát xây dựng	Đá xây dựng	Nhựa đường
Trung du và miền núi phía Bắc		3,6	-11,7	15,3	15,8	-8,2
Đồng bằng sông Hồng		3,6	-9,4	15,5	16,4	-8,2
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung		3,2	-7,3	9,6	7,9	-7,4

Loại VL / Khu vực	Xi măng	Thép	Cát xây dựng	Đá xây dựng	Nhựa đường
Tây Nguyên	1,9	-15,9	9,7	7,6	-7,4
Đông Nam Bộ	1,0	-10,5	9,9	6,9	-7,0
Đồng bằng sông Cửu Long	1,0	-12,8	9,9	7,0	-7,8
TP. Hà Nội	3,6	-10,5	15,5	16,4	-8,2
TP. Hồ Chí Minh	1,0	-11,3	9,9	6,9	-7,0

Các vật liệu biến động với các biên độ khác nhau ở các khu vực trên cả nước: nhựa đường giảm từ 7,3-8,2%; thép giảm từ 7,3-12,8%, cát xây dựng và đá xây dựng tăng đều từ 6,9-16,4%. Xi măng là loại vật liệu ổn định trong các loại vật liệu chủ yếu này (tăng 1,0-3,6%)

Tính chung năm 2023, các loại vật liệu cơ bản biến động ảnh hưởng đến giá thành xây dựng công trình so với năm 2022 theo bảng dưới đây.

**Bảng 2: Mức biến động giá vật liệu xây dựng đến chi phí xây dựng công trình**

*Đơn vị: %*

Loại hình công trình / Khu vực	Công trình dân dụng	Công trình công nghiệp	Công trình hạ tầng kỹ thuật	Công trình giao thông	Công trình nông nghiệp và phát triển nông thôn
Trung du và miền núi phía Bắc	-1,28	-1,21	-0,07	0,61	0,98
Đồng bằng sông Hồng	-0,91	-0,85	0,20	0,89	1,22
Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung	-0,80	-0,76	-0,07	0,04	0,59
Tây Nguyên	-2,26	-2,13	-1,06	-0,89	-0,33
Đông Nam Bộ	-1,43	-1,35	-0,56	-0,49	-0,05
Đồng bằng sông Cửu Long	-1,81	-1,70	-0,80	-0,77	-0,24
TP. Hà Nội	-1,08	-1,01	0,09	0,79	1,14
TP. Hồ Chí Minh	-1,56	-1,47	-0,65	-0,57	-0,12

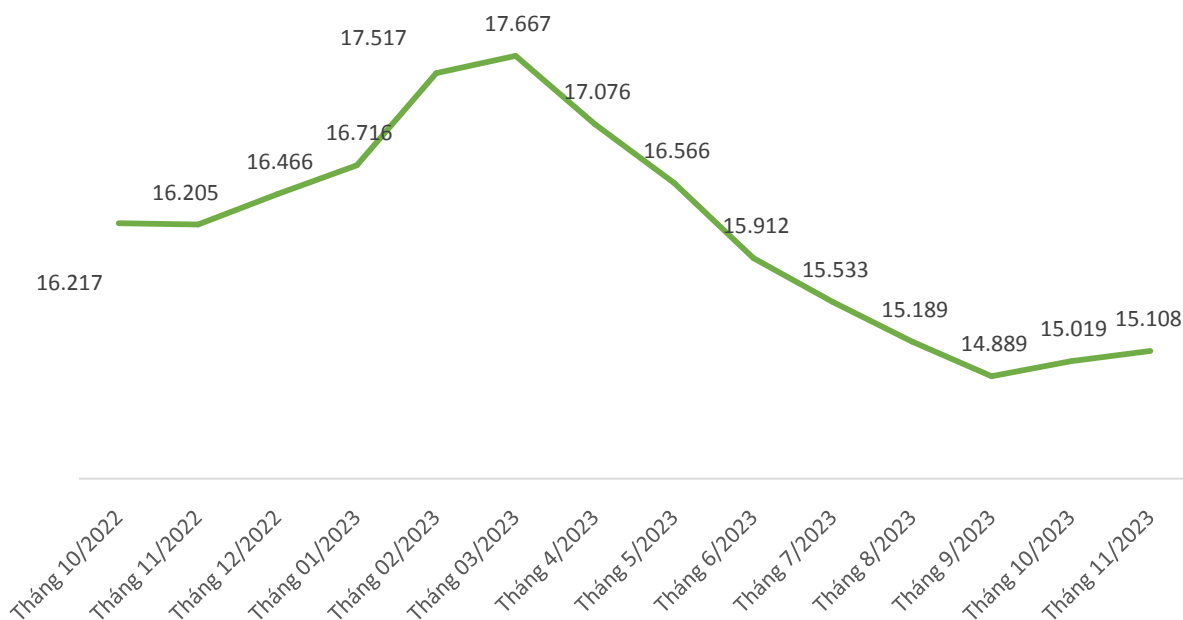
Về cơ bản, chi phí xây dựng công trình cũng không biến động nhiều, từ -1,28% đến 1,14% so với năm 2022.

## 2.2. Diễn biến chi tiết giá của một số loại vật liệu chủ yếu

### 2.2.1. Về thép xây dựng

Theo kết quả khảo sát thu thập dữ liệu của Viện Kinh tế xây dựng, diễn biến giá thép xây dựng trong năm 2023 được biểu thị ở bảng dưới đây:

*Đơn vị tính: đồng/kg*



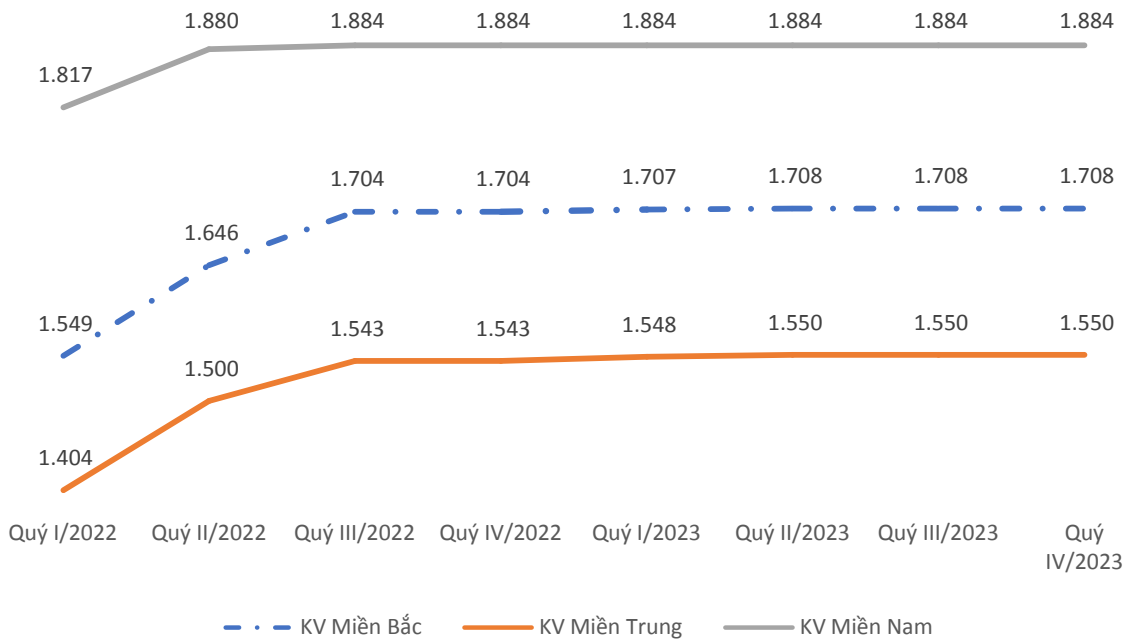
### **Biểu đồ 3: Diễn biến giá thép xây dựng bình quân tại các khu vực từ tháng 10/2022 đến tháng 11/2023**

Tính đến ngày 30/11/2023, giá thép tròn bình quân trên thị trường khoảng 15,108 triệu đồng/tấn, tương đương tháng 10/2023. Tính chung 11 tháng đầu năm 2023, giá thép trung bình trên cả nước khoảng 16,108 triệu đồng/tấn. So với năm 2022, giá thép giảm 11,45% và tương đương so với cuối năm 2022. Nguyên nhân của việc giảm giá thép trong nước là tổng cầu vật liệu thép suy giảm, trong khi giá nguyên liệu đầu vào cho sản xuất tăng. Bên cạnh đó, những yếu tố khác như cuộc xung đột Nga - Ukraine, chính sách thực hiện "Zero COVID-19" của Trung Quốc khiến nhu cầu thép tại thị trường này giảm trong khi đây là một trong những thị trường xuất khẩu chính của nhiều doanh nghiệp; lạm phát toàn cầu cũng đang ảnh hưởng đến ngành thép và xây dựng trong nước.

### 2.2.2. Xi măng

Tính đến ngày 30/11/2023, giá xi măng trung bình các loại khoảng 1.714 đồng/kg.

*Đơn vị tính: đồng/kg*



**Biểu đồ 4: Giá xi măng tại các khu vực năm 2022 – quý II/2023**

Trong tháng 11/2023, giá xi măng tiếp tục ổn định từ thời điểm quý II/2023. Từ đầu năm 2022, xi măng đã trải 4 lần tăng giá cao. Nguyên nhân là do các yếu tố đầu vào sản xuất xi măng như thạch cao, than, xăng dầu biến động và do ảnh hưởng của cuộc xung đột Nga – Ukraine. Giá thị trường (thời điểm tháng 11/2023) của một số loại xi măng: Hoàng Thạch (1.690 đồng/kg); Bút Sơn (1.706 đồng/kg); Hà Tiên khu vực miền Nam (1.884 đồng/kg).

Từ biểu đồ trên cho thấy, giá xi măng trong nửa đầu năm 2022 về cơ bản có sự ổn định tương đối, không có sự biến động lớn. Tuy nhiên, do ảnh hưởng của việc tăng giá các nguyên liệu đầu vào trong sản xuất xi măng như xăng dầu, than khiến giá xi măng trên thị trường có mức tăng bình quân từ 2 ÷ 5% hàng quý kể từ Quý 2/2022. Đến quý IV/2023, giá xi măng tăng 2,2% so với quý II/2022.

Giá xi măng miền Bắc và miền Trung có xu hướng thấp hơn giá xi măng miền Nam. Nguyên nhân là do tình trạng dư cung trong những năm gần đây và có sự tham gia thêm của các nhà máy xi măng mới ở miền Bắc và miền Trung, đồng thời do áp lực cạnh tranh cao hơn. Ngược lại thì khu vực miền Nam, mức độ cạnh tranh thấp hơn do sự thiếu hụt công suất, số lượng nhà máy sản xuất xi măng ít.

### 2.2.3. Gạch các loại và kính xây dựng.

Về giá gạch không nung vẫn không có biến động, giá bình quân trên thị trường đối với gạch không nung loại đặc có kích thước 220x105x65 rơi vào khoảng từ 1.100 - 1.400 đồng/viên, đối với các loại gạch không nung khác tùy theo loại và kích thước mà giá bình quân từ 1.500 - 13.500 đồng/viên.

Về mức giá của các loại gạch ốp lát trên thị trường: Mức giá trung bình gạch cotto thấp hơn so với ceramic và giá của gạch ceramic thấp hơn so với porcelain (granite). Ngoài ra, gạch có kích thước càng lớn hoặc được gia công thêm như tráng

men, mài cạnh, mài mặt nano hay in kỹ thuật số,... thì giá bán trung bình cũng cao hơn. Dư cung gạch ốp lát toàn ngành những năm gần đây khiến giá bán gạch ốp lát liên tục trong xu hướng giảm. Dòng sản phẩm trung cấp kích thước 40x40 và 50x50 ghi nhận nhu cầu tăng. Giá bán các dòng sản phẩm cao cấp giảm mạnh trong khi các dòng trung cấp có xu hướng giữ giá hoặc tăng nhẹ ở một số chủng loại trong năm 2022.

Về giá kính xây dựng không có biến động so với năm 2022 do lượng sản xuất vẫn luôn đáp ứng được mọi nhu cầu sử dụng trên thị trường tiêu thụ nội địa và xuất khẩu.

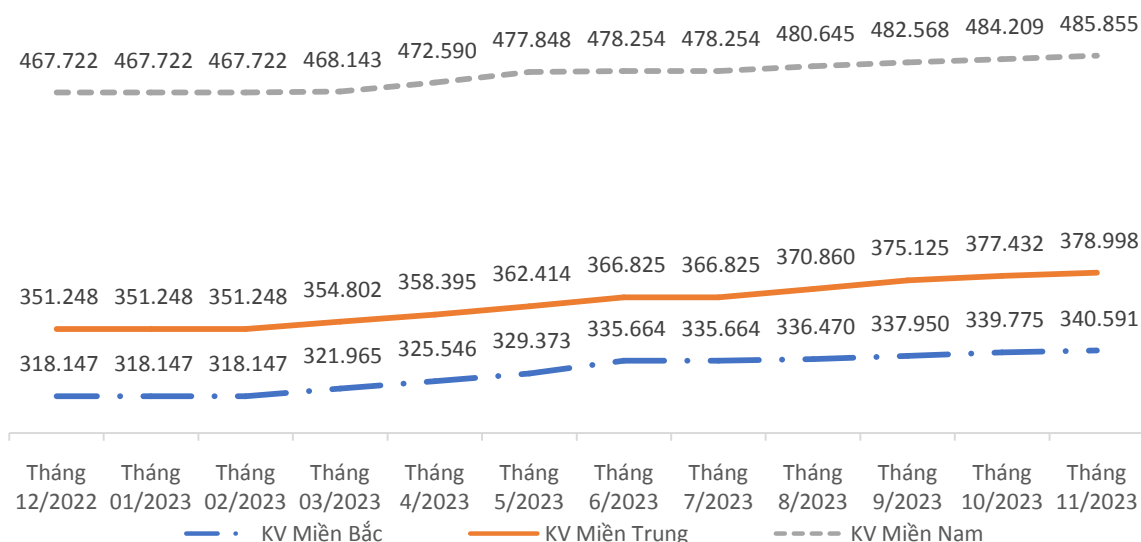
#### 2.2.4. Cát xây dựng

Nhìn chung, trong giai đoạn năm 2023, giá cát xây dựng trên cả nước có xu hướng tăng nhưng không có sự biến động bất thường, mức tăng được ghi nhận bình quân tỷ lệ 3-6% hàng quý. Trong Quý IV/2023, giá cát tăng 4-6% so với quý III/2022, tăng 10-13% so với cùng kỳ năm 2021.

Trong 11 tháng đầu năm 2023, giá cát xây dựng vẫn có xu hướng tăng nhẹ với mức tăng bình quân 1,5% hàng tháng do nhu cầu xây dựng. Các tỉnh phía Bắc có xu hướng tăng với tỷ lệ mạnh hơn bình quân 2,4% hàng tháng.

Do yếu tố nguồn khai thác và nhu cầu sử dụng tại các tỉnh phía Nam lớn hơn so với khu vực miền Bắc và miền Trung nên so sánh tương quan giá cát bình quân tại khu vực miền Nam thường cao hơn các tỉnh miền Bắc và miền Trung từ 1,3 ÷ 1,4 lần.

Đơn vị tính: đồng/m<sup>3</sup>



#### Biểu đồ 5: Diễn biến giá cát xây dựng bình quân trong năm 2023

Đây là nhóm vật liệu chịu sự điều tiết của pháp luật có liên quan đến hoạt động kinh doanh khoáng sản làm vật liệu xây dựng, việc siết chặt kiểm soát cấp phép khai thác, đồng thời nhu cầu tăng đột biến sử dụng cát xây dựng tại các dự án giao thông trọng điểm khu vực miền Trung và miền Nam khiến cho có nhiều thời điểm thì

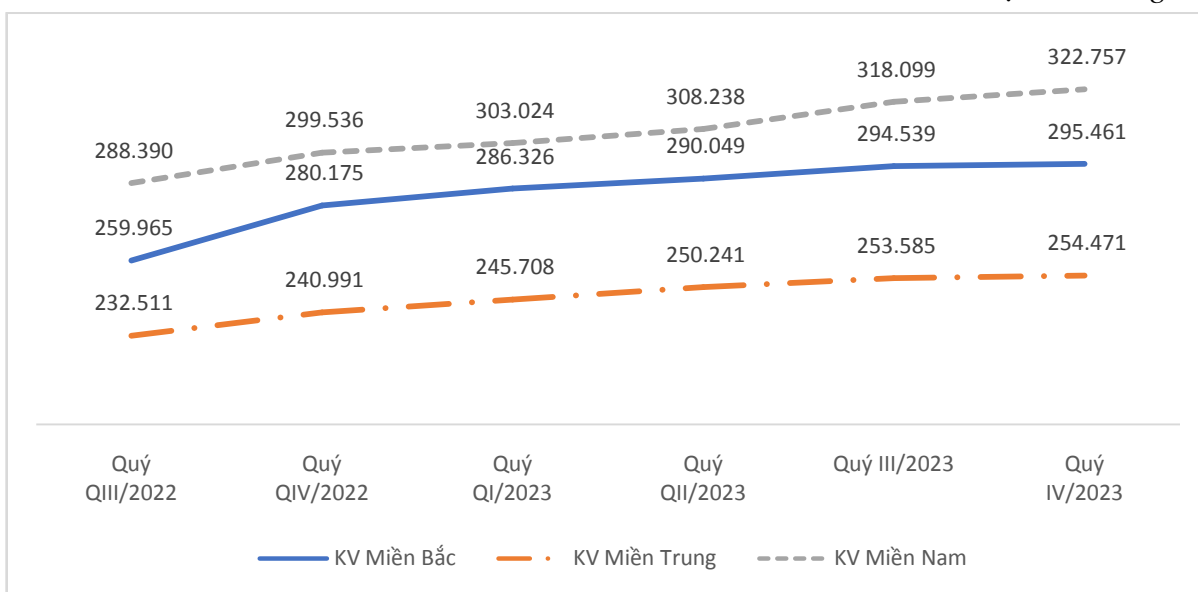
nhóm vật liệu này xảy ra tình trạng khan hiếm cục bộ và tăng giá.

### 2.2.5. Đá xây dựng

Trong năm 2023, giá đá xây dựng tương đối ổn định, tăng bình quân 0,7-2,1% mỗi quý. Giá đá xây dựng quý IV/2023 ở các khu vực trung bình tăng 5,6% so với quý III/2022 và tăng trung bình 16,1% so với cùng kỳ năm, trong đó khu vực tăng giá đá xây dựng nhiều nhất là khu vực miền Bắc. Đây là giai đoạn các dự án giao thông trọng điểm đang tập trung thi công ở khu vực này, nhu cầu sử dụng đá nhiều. Đồng thời, giá xăng, dầu tăng cao, chi phí vận chuyển đến công trình cũng dẫn đến tình trạng giá đá xây dựng tăng (các mỏ đá cung cấp cho công trình đáp ứng được các tiêu chuẩn kỹ thuật của dự án ở vị trí xa so với địa điểm thi công công trình).

Cũng giống như cát xây dựng, so sánh tương quan giá đá bình quân tại các tỉnh khu vực miền Nam thường cao hơn các tỉnh miền Bắc và miền Trung từ 1,06 ÷ 1,2 lần. Tuy nhiên, khoảng cách chênh lệch giá đá của khu vực miền Nam so với các khu vực còn lại cũng đã giảm từ quý IV/2022.

Đơn vị tính: đồng/m<sup>3</sup>



**Biểu đồ 6: Diễn biến giá cát xây dựng bình quân năm 2023**

Trong đó, khu vực miền Bắc mức tăng cao hơn (trung bình 2%), khu vực miền Trung và miền Nam tăng 1%. Giá đá xây dựng khu vực miền Nam tuy vẫn ở mức cao hơn các khu vực miền Bắc và miền Trung nhưng khoảng cách chênh lệch giá giữa các khu vực này không còn lớn như các tháng và quý trước

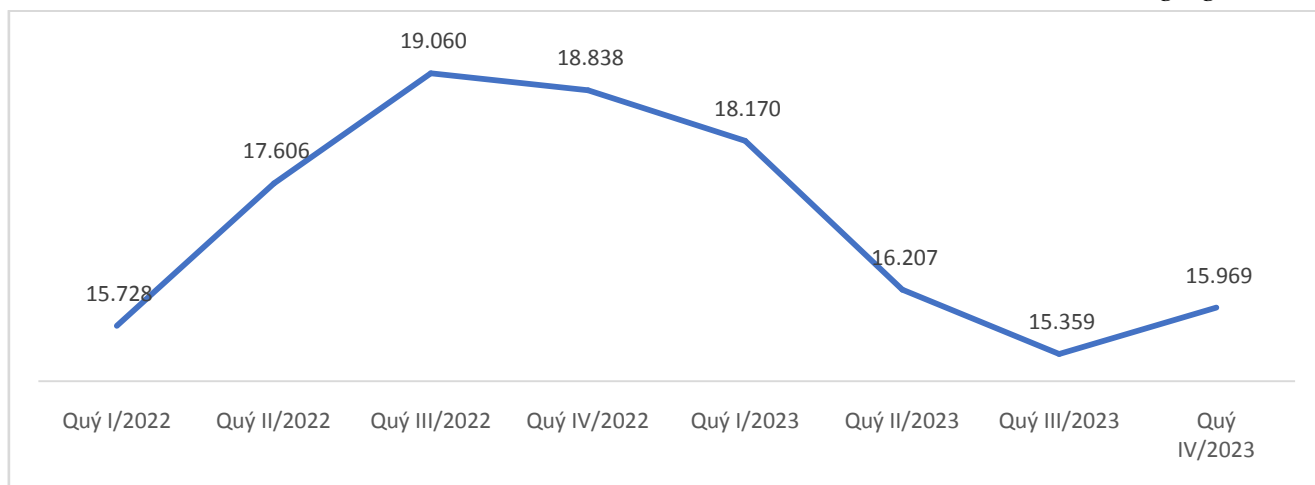
### 2.2.6. Nhựa đường

Nhựa đường là loại mặt hàng nhập khẩu, nên phụ thuộc vào ngoại tệ, xăng dầu và chi phí vận chuyển. Tiếp theo tốc độ tăng giá của xăng, dầu quý II/2022, giá nhựa đường cũng tăng cao vào quý III/2022. Trong tháng 7/2022, giá nhựa đường tăng đạt đỉnh, cao nhất trong vòng 5 năm qua. Tỷ giá ngoại tệ và xăng dầu giảm dần từ tháng 8



và tháng 9/2022, giá nhựa đường cũng bắt đầu hạ nhiệt. Giá nhựa đường tiếp tục giảm đến quý III/2023 và đến quý IV/2023 thì bắt đầu tăng trở lại.

*Đơn vị tính: đồng/kg*



**Biểu đồ 7: Diễn biến giá nhựa đường bình quân tại các khu vực từ năm 2023**

### III. Diễn biến chung của thị trường nhân công xây dựng năm 2023

Trong 06 tháng cuối năm 2023, lực lượng lao động toàn xã hội có xu hướng tăng, nhưng thị trường lao động vẫn đối mặt với nhiều khó khăn, còn thiếu việc làm.

Từ sau đại dịch Covid-19, ngành xây dựng dân dụng và bất động sản vẫn tiếp tục gặp nhiều khó khăn. Thị trường bất động sản nghỉ dưỡng dường như đóng băng, thiếu nhà đầu tư. Một số các dự án gói đầu chưa được chủ đầu tư thanh toán, nhà thầu không có nguồn trả nợ vay ngân hàng và các nhà cung cấp, nhiều công trình phải dừng thi công không thể hoàn thành theo đúng tiến độ. Đây cũng là một trong các yếu tố dẫn đến một số nhà thầu không đủ mạnh về tài chính tiếp tục tham gia thực hiện các dự án khác.

Những biến động của thị trường bất động sản ảnh hưởng không nhỏ đến thị trường lao động xây dựng, công nhân không có tay nghề chuyển dịch sang các ngành nghề khác. Thậm chí công nhân có tay nghề cao do không được đãi ngộ thích đáng hoặc do nhà thầu (không được chủ đầu tư thanh toán) chậm lương buộc phải chuyển sang các ngành nghề khác để duy trì cuộc sống hoặc quay về quê từ bỏ nghề xây dựng. Mặt khác một số doanh nghiệp không đủ mạnh về tài chính do thiếu đơn hàng bắt buộc phải cắt giảm nhân sự lành nghề, thuê nhân công giá rẻ.

Tuy nhiên, trong lĩnh vực xây dựng thì xây dựng hạ tầng và công nghiệp có nhiều tín hiệu tích cực. Thị trường lao động lĩnh vực này tương đối sôi động.

Việc Chính phủ và Thủ tướng chỉ đạo quyết liệt tiến độ thực hiện giải ngân vốn đầu tư công, tiếp tục khởi công một số các dự án giao thông là động lực thúc đẩy sự tăng trưởng của thị trường lao động ngành xây dựng cũng như tăng thêm thu nhập cho người lao động trong các tháng cuối 2023.

Chất lượng lao động ngành xây dựng vẫn còn nhiều hạn chế, chưa đáp ứng được nhu cầu của người sử dụng lao động. Có sự thiếu hụt cục bộ về số lượng lao động trong các mảng của thị trường lao động xây dựng. Do đặc thù của ngành xây dựng là tương đối nặng nhọc, nay đây mai đó, không ổn định (chịu ảnh hưởng của thời tiết) và thu nhập còn thấp so với một số ngành sản xuất khác, nên chưa thu hút đối với lực lượng lao động kể cả lao động nông thôn.

**Bảng 3: Lực lượng lao động trực tiếp ngành xây dựng**

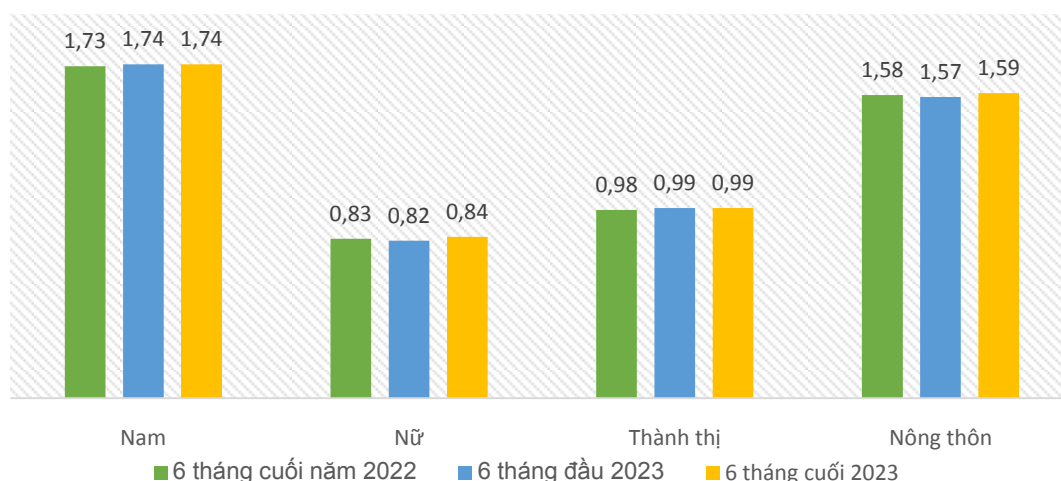
*Đơn vị tính: triệu người*

Nội dung	6 tháng cuối năm 2022	6 tháng đầu năm 2023	6 tháng Cuối năm 2023
<b>LLLĐ ngành xây dựng</b>	2,55	2,56	2,58
- Nam	1,73	1,74	1,74
- Nữ	0,83	0,82	0,84
- Thành thị	0,98	0,99	0,99
- Nông thôn	1,58	1,57	1,59

Thu nhập bình quân của người lao động trên cả nước ước đạt khoảng 7,0 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 7,5% (495 nghìn đồng) so với năm 2022.

Thu nhập của lao động ngành xây dựng vẫn nằm trong khoảng trung bình thấp so với các ngành nghề khác, ước khoảng 6,6 -7,3 triệu đồng/tháng.

*Đơn vị tính: triệu người*



**Biểu đồ 8: Biểu đồ lực lượng lao động ngành xây dựng năm 2023**

Theo số liệu điều tra của nhóm khảo sát, thì thu nhập bình quân của công nhân ngành xây dựng có việc năm 2023 thì lao động phổ thông có thu nhập bình quân khoảng 5,8 - 6,3 triệu đồng/tháng. Lao động có tay nghề thu nhập bình quân khoảng

6,9 - 7,5 triệu đồng/tháng. Thợ có tay nghề cao thu nhập khoảng 11,1 - 13,5 triệu đồng/tháng, tăng khoảng 5% - 8% so với năm 2022.

**Bảng 4: Bảng giá nhân công xây dựng bình quân tại các khu vực năm 2023**

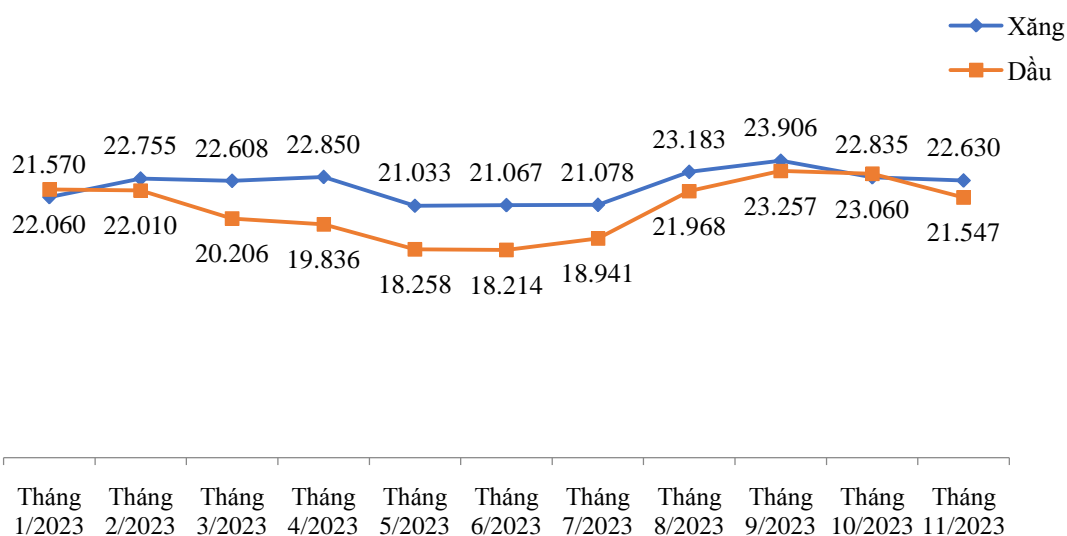
ĐVT: 1.000đ/công

TT	Trình độ tay nghề	Công trình dân dụng		
		Khu vực Miền Bắc	Khu vực Miền Nam	Khu vực Miền Trung
		Hà Nội	TP HCM	Đà Nẵng
1	Nhân công có tay nghề thấp	280-300	300-320	270-280
2	Nhân công có tay nghề trung bình	340-380	370-400	290-350
3	Nhân công có tay nghề cao	440-460	450-490	395-420

#### IV. Diễn biến chung của thị trường máy và thiết bị thi công xây dựng năm 2023

Trong 11 tháng năm 2023, giá xăng dầu đã trải qua 30 đợt điều chỉnh, trong đó 16 lần tăng giá, 14 lần giảm. Tổng cộng, giá xăng giảm 3.583 đồng/lít và giá dầu diesel giảm 3.506 đồng/lít so với thời điểm đầu năm.

Đơn vị: đồng/lít



**Biểu đồ 9: Diễn biến giá nhiên liệu bình quân trên thị trường năm 2023<sup>[2]</sup>**

<sup>2</sup> - Nguồn Petrolimex

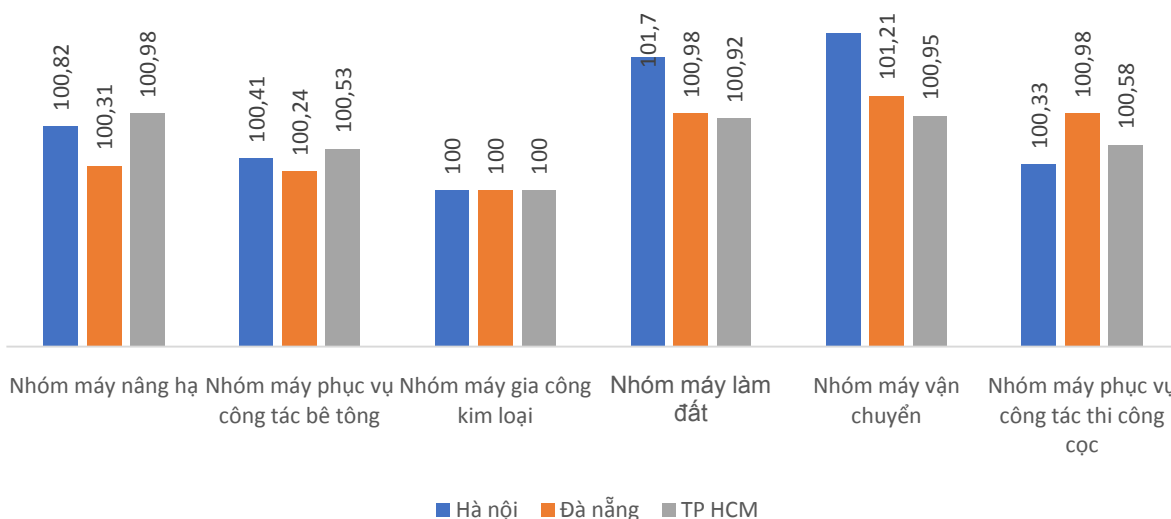
Theo số liệu khảo sát mức biến động giá nhiên liệu trên thị trường (xăng và dầu diesel), bình quân giá xăng dầu trong cả năm 2023 giảm so với với bình quân năm 2022, mức giảm 16,05% với xăng và 16,81% với dầu diesel. Thực tế này được lý giải bởi việc nguồn cung thắt chặt sau khi Nga và Ả rập xê út tái khẳng định cam kết cắt giảm nguồn cung dầu tự nguyện, biến động tăng giảm của đồng USD và xung đột ở Trung Đông, tâm lý thận trọng của các nhà giao dịch trước khả năng gián đoạn nguồn cung do căng thẳng tại khu vực Trung Đông đang diễn ra; việc giảm kỳ vọng đối với các biện pháp hạn chế sản lượng tự nguyện của Ả rập xê út... Các yếu tố nêu trên khiến giá xăng dầu năm 2023 có biến động tăng giảm đan xen nhưng xu thế chung là giảm.

**Bảng 5: Diễn biến bình quân giá nhiên liệu trong kỳ so sánh**

Đơn vị: đồng/lít

TT	Nội dung	Bình quân năm 2022	Bình quân năm 2023	Chênh lệch giảm tuyệt đối (đồng/lít)	Chênh lệch giảm tương đối (%)
1	Xăng	25.902	22.320	-3.583	16,05%
2	Dầu diesel	24.356	20.851	-3.506	16,81%

Đơn vị: %



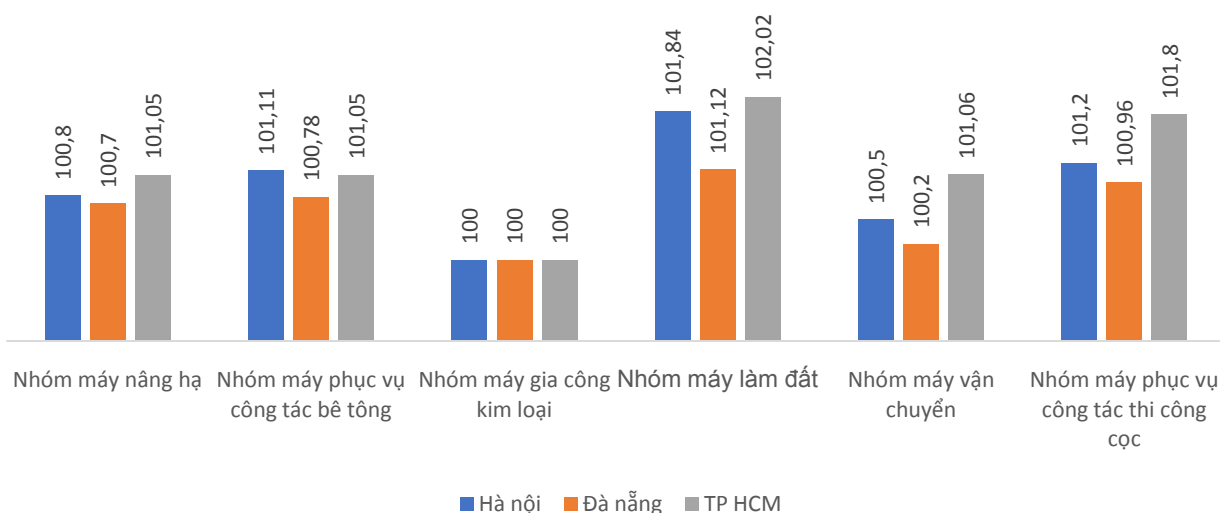
**Biểu đồ 10: Diễn biến giá thuê máy 6 tháng cuối năm 2023 so với 6 tháng đầu năm 2023**

Qua khảo sát tại một số thị trường lớn cho thấy thị trường thuê máy và thiết bị thi công xây dựng trong 06 tháng cuối năm có xu hướng tăng nhẹ. Mức biến động này được ghi nhận với giá cho thuê đối với nhóm máy làm nâng hạ và máy vận chuyển (mức tăng bình quân 0,7%). Riêng đối với nhóm máy như máy đào xúc giá thuê tăng cao (bình quân 1,2%), máy vận chuyển (1,49%). Giải thích lý do cho diễn biến này

xuất phát từ giá nhiên liệu (dầu diesel) trên thị trường có xu hướng tăng trong các tháng giữa và cuối năm 2023 dẫn đến giá nhiên liệu thị trường trong nước cũng tăng so với giai đoạn nửa đầu năm 2023. Theo nhiều chuyên gia, sự đa dạng về số lượng và chủng loại máy đào xúc trên thị trường cũng là yếu tố ảnh hưởng đến sức thuê và giá thuê trên thị trường này.

Đối chiếu với năm 2022, thì giá thuê máy trên thị trường tại một số thành phố lớn cả năm 2023 so với năm 2022 có mức biến động xu hướng tăng nhưng không lớn như năm 2022 (so 2021). Nhóm máy làm đất có mức tăng mạnh bình quân 1,66%, máy vận chuyển tăng 1,32%. Một số loại máy gia công kim loại, nâng hạ có xu hướng ổn định. Điều này được lý giải do nhu cầu thuê đối với các nhóm máy nêu trên có xu hướng tăng tại một số khu vực có nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng mạnh. Tuy nhiên, mức biến động giá thuê máy này không gây biến động quá lớn trên thị trường.

Đơn vị: %



**Biểu đồ 11: Diễn biến giá thuê máy năm 2023 so với năm 2022**